

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2023/HSST

Ngày: 26/5/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Ngọc Đăng

Bà Võ Thị Yến Lan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2023/TLST-HS ngày 12/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST-HS ngày 15/5/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**; giới tính: Nam; Tên gọi khác: Trần Đăng S; Sinh năm: 1965, tại Thái Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Quê quán: Thôn T, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình; Nơi ĐKTT: Số 57 B, phường 3, quận P, TP. Hồ Chí Minh; Chỗ ở trước khi bị bắt: Số 15 đường S, Phường 1, quận P, TP. Hồ Chí Minh; Tiền án, tiền sự: không; Con ông: Trần Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị B (sinh năm: 1936), gia đình có 04 anh em, bị cáo là con đầu; Vợ: Ngô Thị Thanh V (sinh năm: 1969) và 02 con, Trần Văn T sinh năm 1992, Trần Thái H sinh năm 1997. Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã, tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng.

- Bị hại:

1. Bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1967; Trú tại: 53 P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1951; Trú tại: 30/8 H, T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Bà Lương Thị X; Trú tại: 220/81 Lê Văn S, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Vắng mặt.

4. Ông Đào Quang M; Trú tại: 47 ấp 7, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

5. Ông Barri M và bà Shirley M; Quốc tịch: Úc. Vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1957; Trú tại: 19 Nguyễn T, thành phố Huế. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Trường, sinh năm 1966; Trú tại: Số 5A, Trần Văn Đ, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1958; Trú tại: 23/22 H, quận V, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Kim H, sinh năm 1966; Trú tại: 24 C, phường O, quận P, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 1992, Trần Văn T đang ở quê Thái Bình thì nhận được lời mời của bạn cùng quê là Nguyễn Trường S (sinh năm: 1966; trú: Số 5A, Trần Văn Đ, Quận P, TP Hồ Chí Minh) rủ vào TP Hồ Chí Minh chơi. Khi đến TP Hồ Chí Minh, Trần Văn T gặp những người cùng quê khác gồm: Phạm Bá Đ (sinh năm: 1958; trú: 23/22 H, quận V, TP Hồ Chí Minh) và Nguyễn Kim H (sinh năm: 1966; trú: 24 C, Phường O, Quận P TP Hồ Chí Minh). Sau đó S, Đ, H và T rủ nhau sử dụng 02 chiếc xe máy chạy từ TP Hồ Chí Minh ra ngoài Bắc để về quê chơi. Trên đường đi, cả nhóm bàn bạc và thống nhất khi vào thuê phòng nghỉ tại khách sạn sẽ lợi dụng sơ hở của khách thuê phòng khác rồi sử dụng chìa khóa vạn năng mở cửa phòng đột nhập trộm cắp tài sản.

Ngày 29/11/1992, S, Đ, H và T sử dụng 02 xe máy nhãn hiệu Honda 67 biển kiểm soát: 50A-6844 và biển kiểm soát: 50HB-4036 đi từ TP Hồ Chí Minh ra ngoài Bắc. Trên đường đi các đối tượng thuê phòng khách sạn dừng nghỉ và thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

- Vụ 1: Khoảng tối ngày 29/11/1992, cả nhóm đến thành phố Đà Lạt, S dùng giấy thông hành mang tên Kim Đức H và 03 giấy CMND của T, Đ và H thuê một căn phòng ở khách sạn Hải S, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi quan sát, thấy khách cùng thuê tại khách sạn là vợ chồng chị Trần Thị Kim L (sinh năm: 1967; trú: 53 Phan Văn K, thành phố P, tỉnh Gia Lai) rời khỏi phòng 316, S, H và Đ đứng canh giới, T dùng chìa

khóa vạn năng mở cửa đột nhập vào phòng lấy trộm 700.000 đồng đưa cho Đ cất giữ để tiêu xài chung. Sau đó cả nhóm rời khách sạn tiếp tục đến tỉnh Đắk Lắk.

- Vụ 2: Khoảng 17 ngày 30/11/1992, khi cả nhóm đến thị xã B, tỉnh Đắk Lắk dùng thuê phòng nghỉ tại khách sạn T Lợi. Tại đây, cả nhóm mua bia về uống ở hành lang tầng 3 và quan sát tìm cơ hội. Sau khi phát hiện khách thuê ở phòng 308 và 310 rời khỏi phòng. S và T dùng chìa khóa vạn năng mở cửa 2 phòng này vào lấy một túi du lịch màu xanh, bên trong có 20.000.000 đồng và xách Sanxony của anh Nguyễn Văn P (sinh năm: 1951; trú: 30/8 H, T, TP Hồ Chí Minh; là cán bộ Công ty Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu quận P) bên trong có 2.200.000 đồng mang về phòng 302, lấy 500.000 đồng của chị Lương Thị X (cán bộ Công ty Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu quận P) và của anh Đào Quang M (cán bộ Công ty Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu quận P) 200.000 đồng để trong các túi nhỏ cá nhân để ở 2 phòng này.

- Vụ 3: Khoảng 10 giờ ngày 01/12/1992, cả nhóm đến thành phố Đà Nẵng, T, H dùng giấy CMND thuê phòng 107, khách sạn P, S và Đ ở tại khách sạn Bạch Đ. Đến 17 giờ cùng ngày, S và Đ đến khách sạn P gặp T và H để bàn bạc trộm cắp. Sau khi phát hiện cơ hội, S và T đã dùng chìa khóa vạn năng mở cửa đột nhập vào phòng 210 của ông Barri M lấy một máy ảnh hiệu Pentax trị giá khoảng 400 USD và một sợi dây chuyền trị giá khoảng 10 USD. Ngày 04/12/1992, T, Đ, H và S đem ra Huế bán chiếc máy ảnh cho anh Nguyễn Văn A (sinh năm: 1957; trú: 19 Nguyễn T, TP Huế) được 1.500.000 đồng, sợi dây chuyền thì S cất giữ, còn tiền T cất giữ và tiêu xài hết (chiếc máy ảnh và sợi dây chuyền đã thu hồi trả lại cho bị hại).

Cơ quan điều tra đã trưng cầu định giá tài sản đối với 01 chiếc máy ảnh và 01 sợi dây chuyền, nhưng Hội đồng định giá tài sản kết luận không có cơ sở định giá. Căn cứ tỷ giá đồng đô là Mỹ tại thời điểm năm 1992 có giá trị 1 USD = 10.810đồng/1USD (trị giá sợi dây chuyền và chiếc máy ảnh theo lời khai bị hại có tổng giá trị là 410 USD (tương đương 4.387.000 đồng).

Đối với các đối tượng Nguyễn Trường S, Nguyễn Kim H và Phạm Bá Đ; vấn đề xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự liên quan trong vụ án, đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 231 ngày 22/12/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ) và Bản án hình sự phúc thẩm số 271 ngày 29/6/1994 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng nên không đề cập.

Riêng Trần Văn T sau khi phạm tội đã bỏ trốn, đến ngày 18/12/2022 bị bắt theo lệnh truy nã.

Tại bản Cáo trạng số: 44/CT-VKSDN-P2 ngày 11 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng sửa đổi một phần bản cáo trạng về phần lý lịch của bị cáo, và sửa đổi phần xác định tổng giá trị tài sản mà bị cáo T cùng các đồng phạm chiếm đoạt được là 28.032.000 đồng (bao gồm 23.600.000 đồng + $(410\text{USD} \times 10.810\text{đồng}/1\text{ USD} = 4.432.000\text{đồng})$; giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173, điểm 1 khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 02 đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự và các đối tượng Nguyễn Trường S, Nguyễn Kim H và Phạm Bá Điền quan trọng vụ án, đã được giải quyết tại Bản án năm 1993 nên không đề cập.

- Bị cáo Trần Văn T thừa nhận đã cùng với các đối tượng Nguyễn Trường S, Nguyễn Kim H và Phạm Bá Đ thực hiện các hành vi trộm cắp tài sản đúng như cáo trạng đã mô tả và kết luận; xác nhận sau khi cùng đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã bỏ trốn vào TP Hồ Chí Minh sử dụng tên Trần Đăng S để lẩn trốn sự truy nã của cơ quan chức năng, đến ngày 18/12/2022 thì bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng. Nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sớm được trở về quê chăm nom mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo cũng như những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì tố tụng. Sau khi kiểm tra, đánh giá công khai tại phiên tòa, HĐXX kết luận các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, xét hỏi và tranh tụng công khai tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung và kết luận của bản cáo trạng. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng cuối năm 1992, trên đường từ TP Hồ Chí Minh ra ngoài Bắc để về quê chơi, Nguyễn Trường S, Nguyễn Kim H, Phạm Bá Đ và

Trần Văn T đã bàn bạc và thống nhất khi vào thuê phòng nghỉ tại khách sạn sẽ lợi dụng sơ hở của khách thuê phòng khác rồi sử dụng chìa khóa vạn năng mở cửa phòng đột nhập trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định nêu trên, từ tối ngày 29/11/1992 đến ngày 01/12/1992, Trần Văn T đã cùng với đồng bọn là Nguyễn Trường S, Nguyễn Kim H và Phạm Bá Đ thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản của công dân như sau:

Lần 1, tối ngày 29/11/1992 các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của vợ chồng chị Trần Thị Kim L (sinh năm: 1967; trú: 53 Phan Văn K, thành phố P, tỉnh Gia Lai) số tiền 700.000 đồng tại khách sạn Hải S, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, sau đó cả nhóm rời khách sạn tiếp tục đến tỉnh Đắk Lắk.

Lần 2, khoảng 17 giờ ngày 30/11/1992 các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt một túi du lịch màu xanh, bên trong có 20.000.000 đồng và 1 xách Sanxony của anh Nguyễn Văn P (sinh năm: 1951; trú: 30/8 H, T, TP Hồ Chí Minh; là cán bộ Công ty Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu quận P) bên trong có 2.200.000; lấy 500.000 đồng của chị Lương Thị X (cán bộ Công ty Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu quận P) và 200.000 đồng của anh Đào Quang M (cán bộ Công ty Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu quận P) tại các phòng 308 và 310 của khách sạn T Lợi, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Lần 3, khoảng 10 giờ ngày 01/12/1992 các bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của vợ chồng ông Barri M (quốc tịch Úc) một máy ảnh hiệu Pentax trị giá khoảng 400 USD và một sợi dây chuyền trị giá khoảng 10 USD tại phòng 210 khách sạn P, thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ); quy đổi tiền Việt Nam tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội 410 USD x 10.810 đồng/1 USD là 4.432.000 đồng. Ngày 04/12/1992, T, Đ, H và S đem ra Huế bán chiếc máy ảnh cho anh Nguyễn Văn A (sinh năm: 1957; trú: 19 Nguyễn T, TP Huế) được 1.500.000 đồng, sợi dây chuyền thì S cất giữ,

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo cùng các đồng phạm chiếm đoạt được qua 3 vụ là: 28.032.000 đồng, (chiếc máy ảnh và sợi dây chuyền đã thu hồi trả lại cho bị hại).

Sau khi cùng đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Trần Văn T bỏ trốn vào TP Hồ Chí Minh, sử dụng tên giả Trần Đăng S để lẩn trốn sự truy nã của cơ quan chức năng, đến ngày 18/12/2022 thì bị bắt theo Quyết định truy nã của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng (cũ).

Hành vi trên của bị cáo Trần Văn T cùng các đồng phạm là phạm tội "*Trộm cắp tài sản công dân*" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 155 của Bộ luật hình sự năm 1985, nay là tội « Trộm cắp tài sản » theo điểm a khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017), như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo cùng các đồng phạm là thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, chiếm đoạt tài sản của nhiều người, trong đó có người nước ngoài mang quốc tịch Úc, giá trị tài sản chiếm đoạt được 28.032.000 đồng là tương đối lớn tại thời điểm năm 1992. Hành vi phạm tội của bị cáo và các đồng phạm đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương, sau khi phạm tội bỏ trốn gây khó khăn cho hoạt động điều tra, nên cần xử phạt nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo và để răn đe phòng ngừa chung.

Song xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Trần Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trước khi phạm tội lần này thì bị cáo chưa có tiền án tiền sự; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được HĐXX áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Đối với các đối tượng Nguyễn Trường S, Nguyễn Kim H và Phạm Bá Đ; phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự trong vụ án, đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 231 ngày 22/12/1993 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ) và Bản án hình sự phúc thẩm số 271 ngày 29/6/1994 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, nên HĐXX không đề cập.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T (tức Trần Đăng S) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T **02 năm 06 tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/12/2022.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Phòng PC 45- CATPĐN;
- Cục THA TP Đà Nẵng;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Minh Long

